

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SI MA CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trung Dũng;

2. Bà Vàng Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sùng Thị L, sinh năm 1998.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Cư A T, sinh năm 1998.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Ch, xã SC, huyện S, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa chị Sùng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng cho đến nay chị và anh T vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T cho rằng chị có quan hệ bất chính với người khác, từ đó mà chị và anh T thường xuyên đánh cãi chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc; cuối năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ

để sinh sống giữa chị và anh T sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Do mâu thuẫn với nhau, vào tháng 8/2018 chị đã khởi kiện ly hôn anh T nhưng sau đó giữa chị và anh T có một số việc riêng cần phải giải quyết nên chị đã rút đơn về, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 06/2018 ngày 26 tháng 9 năm 2018, sau thời gian đó tình cảm giữa chị và anh T vẫn không được cải thiện. Nay chị nhận thấy tình cảm với anh T thật sự không còn, mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh T có một con chung là cháu Th sinh ngày 31/10/2015 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang đi học và do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ban đầu chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th 700.000 đồng/ 1tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; trường hợp anh T trực tiếp nuôi cháu Th thì về việc cấp dưỡng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng chị và anh T không có tài sản gì đáng giá, không vay nợ của ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; các bản sao Giấy khai sinh của cháu Th, Giấy chứng minh nhân dân của chị Sùng Thị L và sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Sùng Seo C; đơn xác nhận mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của chị L; đơn xác nhận việc làm và thu nhập của chị L; đơn đề nghị xác nhận hộ khẩu thường trú của anh T; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân anh T trình bày và đề nghị: Anh và chị L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 (không nhớ rõ ngày tháng nào), đến năm 2015 được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Cho đến nay anh chị vẫn không làm thủ tục Đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, kể từ khi về chung sống cùng nhau tình cảm giữa anh và chị L hạnh phúc được 04 năm, đến ngày 12/12/2017 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh bắt gặp được chị L và anh Giàng Seo Ch (là anh rể của chị L) có quan hệ bất chính với nhau tại nhà của anh Ch ở Thôn S, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau đó chị L về nhà anh ở được 01 tuần đến ngày 21/12/2017 thì tự ý bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, anh có đến đón chị L về 01 lần nhưng chị L không về. Từ đó cho đến nay giữa anh và chị sống ly thân hẳn không quan tâm đến nhau, nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh anh nhận thấy vẫn còn tình cảm, yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Th sinh ngày 31/10/2015 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay đang học Trường mầm non gần nhà anh và do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Quá

trình thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa anh không đồng ý ly hôn do vậy không có yêu cầu đề nghị gì về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp cho Tòa án là 01 đơn yêu cầu đề ngày 24/12/2018. Ngoài ra không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không có đăng ký kết hôn nên chỉ tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 243, 247, 249, 250, 251, 260 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

** Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa:*

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 điều 81; khoản 1,3 điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị L và anh Cư A T.

Về con chung: Giao cháu Th cho anh Cư A T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị L không phải cấp

dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định pháp luật.

4. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sùng Thị L khởi kiện ly hôn với anh Cur A T, anh T có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn Ch, xã SC, huyện S, tỉnh Lào Cai do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cần thiết cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị L và anh Cur A T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến năm 2015 thì được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Nhưng cho đến nay anh chị vẫn không làm thủ tục Đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm cho đến ngày 12/12/2017 thì chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh T cho rằng chị L và anh Giàng Seo Ch có quan hệ bất chính với nhau. Ngày 12/12/2017 chị L về nhà anh T ở được 01 tuần cho đến ngày 21/12/2017 thì tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T có đến đón chị L về 01 lần nhưng chị L không về. Từ đó cho đến nay chị L và anh T sống ly thân hẳn không quan tâm đến nhau.

Việc chị L anh T không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị L khởi kiện ly hôn anh T, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị L và anh T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị L và anh T có 01 con chung là cháu Th sinh ngày 31/10/2015 cháu khỏe mạnh phát triển tốt, cuối năm 2017 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ đã đưa cháu Th đi cùng và trực tiếp nuôi dưỡng một thời gian, đến tháng 9 năm 2018 cháu Th đi học mầm non thôn C L Ch, xã SC thì chị đưa cháu về ở cùng với anh T để thuận tiện cho cháu đi học, từ đó cho đến nay cháu Th trực tiếp ở cùng bố tại Thôn Ch, xã SC, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Đơn khởi kiện và bản tự khai chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th 700.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; trường hợp anh T trực tiếp nuôi con thì về mức cấp dưỡng chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo luật định. Tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về việc nuôi con quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa anh T không

đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu nguyện vọng gì về việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy chị L, anh T cùng thương yêu, quan tâm đến con, đều làm nghề trồng trọt tại xã và cùng là lao động chính trong gia đình, theo xác nhận của UBND xã nơi anh và chị cư trú thì mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị L được 2.000.000 đồng; còn của anh T mức thu nhập hàng tháng dao động từ 1.800.000 đồng đến 2.000.000 đồng, hiện nay cháu Th đã hơn 3 tuổi đang đi học mầm non tại thôn C L Ch và do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị L đề nghị Tòa án giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T là người cha thương yêu, quan tâm đến con. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, để ổn định và tiếp tục đảm bảo việc học hành của con nên giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định của pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn:

Anh T làm nghề trồng trọt tại xã có mức thu nhập hàng tháng dao động từ 1.800.000 đồng đến 2.000.000 đồng, chị L cũng làm nghề trồng trọt có mức thu nhập bình quân hàng tháng được 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của anh T về việc không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, hiện tại chị L không cấp dưỡng nuôi cháu Th nhưng anh T vẫn đảm bảo việc nuôi dạy cháu ăn học; sau này anh T trực tiếp nuôi con mà không đảm bảo điều kiện nuôi dạy con thì có thể đề nghị Tòa án buộc chị L cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Sùng Thị L và anh Cư A T là vợ chồng.

2. Về nuôi con sau khi ly hôn: Giao cháu Th sinh ngày 31/10/2015 cho anh Cư A T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Sùng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Sùng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003734 ngày 12/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. Si Ma Cai (2);
- Chi cục THADS H. Si Ma Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Trọng

